

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 285/2018/HNGĐ-ST

Ngày 31/7/2018

V/v “Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN – TỈNH QUẢNG NAM**

Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/Ông Lương Văn Hải

2/Bà Lương Thị Kim Anh

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quốc Việt – Thư ký TAND thị xã Điện Bàn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hòa – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2018, tại Hội trường TAND thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 158/2018/TLST-HNGĐ, ngày 03/5/2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 22 tháng 6 năm 2018 giữa:

1/Nguyên đơn: Bà Võ Thị P - Sinh năm: 1988 (có mặt)

Địa chỉ: Khối TN, phường ĐN, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

2/Bị đơn: Ông Trần Duy C - Sinh năm: 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khối TN, phường ĐN, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23 tháng 4 năm 2018 và các lời khai tại Tòa nguyên đơn bà Võ Thị P trình bày: Bà Võ Thị P và ông Trần Duy C kết hôn vào ngày 22/12/2010, có đăng ký kết hôn tại UBND phường ĐN, thị xã Điện Bàn kết hôn trên cơ sở tự nguyện.

Trong quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là ông C thường xuyên gây gỗ, đánh đập bà P nhiều lần, đôi khi còn hăm dọa đòi giết bà P. Không những thế ông C còn ghen tuông vô cớ rồi dùng nhiều lời lẽ chửi bới, xúc phạm, đánh đập bà P, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn trầm trọng

kéo dài, bà P bỏ về nhà cha, mẹ sống từ tháng 4/2018 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, ông C có đến nhà xin lỗi nhưng bà P không chấp nhận thì ông C chửi bới, hăm dọa, đòi giết bà P. Bà P xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên bà P yêu cầu được ly hôn ông Trần Duy C.

Về con chung: Có 01 con chung Trần Duy D – Sinh ngày 23/9/2011

Hiện nay con chung đang sống cùng bà P, khi ly hôn bà P yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là: 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Trần Duy C trình bày tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án như sau: Bà P và ông C kết hôn vào ngày 22/12/2010, có đăng ký kết hôn tại UBND phường ĐN, thị xã Điện Bàn kết hôn trên cơ sở tự nguyện.

Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, bản thân hay ghen tuông, nóng tính không kiềm chế được nên có đánh bà P ông Cương còn thương vợ, ông C đã thấy được sai trái của mình và hứa sẽ sửa sai mong vợ chồng về đoàn tụ chung sống, ông C không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung Trần Duy D – Sinh ngày 23/9/2011

Hiện nay con chung đang sống cùng bà P. Nếu phải ly hôn ông C có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu bà P cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tóm tắt ý kiến của Kiểm sát viên

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn ông Trần Duy C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

+ Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX xử cho bà P được ly hôn ông C, giao con chung cho bà P tiếp tục nuôi dưỡng, buộc ông C cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là: 1.000.000 đồng, ông C có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Võ Thị P yêu cầu ly hôn và giải quyết con chung đối với ông Trần Duy C, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS tranh chấp ly hôn và nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện. Ông Trần Duy C có nơi cư trú tại phường Điện

Ngọc, thị xã Điện Bàn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Duy C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị P và ông Trần Duy C kết hôn vào ngày 22/12/2010, có đăng ký kết hôn tại UBND phường ĐN, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông C là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống vợ chồng không tự vun đắp và gìn giữ hạnh phúc gia đình, không nhường nhịn nhau dẫn đến thường xuyên cãi vã và phát sinh mâu thuẫn. Ông C và bà P đều thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn là do ông C thường xuyên ghen tuông vô cớ rồi kiếm chuyện gây gổ, chửi bới, xúc phạm và đánh đập bà P nhiều lần, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 4/2018 đến nay. Ông C đã thấy được sai trái của mình, mong bà P cho ông một cơ hội để vợ chồng về đoàn tụ chung sống, nhưng bà P không chấp nhận. Lời khai nhận của các đương sự phù hợp với nội dung xác minh do Tòa án thu thập được. Trong trường hợp này xét thấy bà P và ông C không còn tin tưởng và tôn trọng nhau, ông C đã có hành vi bạo lực gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của bà P là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận xử cho bà P được ly hôn với ông C phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Xét về con chung: Vợ, chồng có 01 con chung Trần Duy D – Sinh ngày 23/9/2011. Cả hai đều có nguyện vọng được nuôi con chung sau khi ly hôn, ông C và bà P hiện nay có việc làm và thu nhập ổn định đảm bảo đủ điều kiện để nuôi con chung, tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét về mọi mặt của con chưa thành niên. Cháu D còn nhỏ nên cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ, cháu D có nguyện vọng được sống cùng mẹ sau khi ly hôn, hơn nữa trong thời gian vợ chồng không chung sống với nhau cháu D vẫn sống cùng bà P được bà P chăm sóc, nuôi dưỡng rất tốt và ổn định nơi học tập. Do đó để đảm bảo ổn định đời sống vật chất và tinh thần cho con chưa thành niên, đáp ứng nguyện vọng của con từ đủ 7 tuổi trở lên, đồng thời giữ nguyên môi trường sống, sinh hoạt và học tập của con HĐXX cần phải giao con chung cho bà P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Bà P yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng. Xét yêu cầu của bà P thấy rằng: Theo khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Bà P yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung là đúng quy định của pháp luật và mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng mỗi tháng là phù hợp. Do đó để đảm bảo lợi ích về mọi mặt cho con và đáp ứng nhu cầu chi phí sinh hoạt hàng ngày của con chưa thành niên HĐXX buộc

ông C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng là 1.500.000 đồng. Thời hạn cấp dưỡng được tính kể từ tháng 08/2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và Điều 147 BLTTDS thì bà P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, ông C phải chịu 300.000 đồng án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình, Điều 468 Bộ luật Dân sự, Luật Phí và lệ phí, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị P đối với ông Trần Duy C về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Võ Thị P và Trần Duy C.

2. Về nuôi con chung: Có 01 con chung

Giao con Trần Duy D – Sinh ngày 23/9/2011 cho bà Võ Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng (Trần Duy D hiện nay đang sống cùng bà Võ Thị P).

Buộc ông Trần Duy C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung được thực hiện định kỳ hằng tháng là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Thời hạn cấp dưỡng được tính kể từ tháng 8/2018 đến khi Trần Duy D đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, ông Trần Duy C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Bà Võ Thị P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu số: 0009029, ngày 03/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn. Bà Võ Thị P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Duy C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Những người TGTT;
- VKS, THA;
- Tòa án Tỉnh;
- UBND phường ĐN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Nhung